

SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Heavy

BESTBOOT2 S3

Ủn g **da an toàn**

Safety Jogger BESTBOOT2 đảm bả **mũi giày toàn** t g **thép** chắc chắn , đặc **tính** ch ố n g **tĩnh** điệ **và** đế g đâm thủn g **mới và** gi ọc đảm bảo nh **đảm bảo** t ư th ế , làm mát bàn chân và đế **ngoài** ự làm s



BLK

CO2 15.55 kg

Những vật liệu **cao** cấp hơn ật **Ba** thu	
lót bên trong	**Cambrella**
trong Đ	ệm **chân SJ** làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
iữa đế g	**Thép**
ngoài Đ	**BASF PU/BASF PU**
u Đứng đầ	**Thép**
i Loạ	**S3 / SR, SC, LG, FO, CI**
Phạm **vi kích** thước	**EU 36-47 / UK 3.5-12.0 / US 4.0-13.0 JPN 22.5-31 / KOR 235-310**
ng lượng t **thép**	**0.809 kg**
ẩn **hiệu** chu	**EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024**

CE · WPA · 3FIT SYSTEM · NESKRID



S nhiên
u đầu
ế ngoài có k khả **năng** và nhiên liệu.



S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong **môi** t ẩm cao a điện tích tĩnh **phải** s bảo rằng **chúng** được cách hiệu **và** con. Những **đôi** giày này **đáng** bảo **nguy** c hạng đế và nghiền nát bàn chân.



chống **tĩnh** điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn
Ohm và 1 Giga Ohm



iữa bằng **thép**
đâm thủng được **làm** bằng **thép**
không gỉ và ngăn các xâm nhập từ đế **ngoài**.



Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đỡ **bảo vệ** chân



ế **ngoài** tự **làm** s
gai l

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Hoá h ọ c , Xây dự n g, Khai thác m ỏ , Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn môi bùn, b ề mặt không bằn g phẳn g

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách hà nhiệ Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệt **Barton** thu **cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng ấm ớ h ơ	? 0.8	1.97 ờ mg/cm/g
	Top: hi ệ số ớ h ơ	? 15	20 mg/cm2
ót bên trong	**Cambrella**		
	L ớp **lót:** ấm ớ h ơ	? 2	25.39 ờ mg/cm/g
	lót: hi ệ số ớ h ơ	? 20	204 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)			
	ệ m chân Đ ch ố n g **mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)**	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ	**BASF PU/BASF PU**		
	Ch ố ả ưởng ủa **mài mòn** ế ngoài (	? 150	N/A mm
	Chư ố ợt tr ợt **gót** bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề phía t	? 0.31	0.44 ma sát
	rư Cột ố ợt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** v ề phía t	? 0.36	0.41 ma sát
	rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19	0.29 ma sát
	Chư ố ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề phía t	? 0.22	0.29 ma sát
	ị ch ố Giá t tính điệ n	0.1 - 1000	43.8 megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân ủ	? 20	31 J
Đ ứ n g đầ **Thép**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	16.5 mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.0 mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khuyến cáo thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
i **CO** phát thả		
	V ật l iệu	13.28 kg
	Bao bì	0.12 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		15.55 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	3%
	Bao bì	99%

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.